

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06.5.2020

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hòa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số X, tổ M, Tụ P, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số X, tổ M, Tụ P, Phường Z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt tại phiên Tòa, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Lê Văn L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, thành phố Đ. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Phường Z, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung mặc dù cả hai đã cố gắng nhưng vẫn không hòa hợp

được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 3 năm nay. Hiện nay chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L. Về con chung, chị và anh L có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/02/2016, hiện nay đang ở với anh L. Khi ly hôn do con đang ở ổn định với anh L nên chị đồng ý giao con cho anh L có trách nhiệm nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con để chị và anh L tự thỏa thuận với nhau, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 18/3/2020 bị đơn anh Lê Văn L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/02/2016, hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung, chị đồng ý giao con cho anh L có trách nhiệm nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con để chị và anh L tự thỏa thuận với nhau, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Lê Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L và giao con chung là Lê Nguyễn Khánh H cho anh L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, về việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh L không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hôm nay và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh L và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nhau, chị H đã chuyển ra ngoài thuê phòng trọ ở. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/02/2016. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi con và chị H cũng đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu H đang được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/02/2016 cho anh L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu để tự thỏa thuận giải quyết, anh L không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Văn L được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/02/2016 cho anh Lê Văn L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu để tự thỏa thuận giải quyết, anh L không yêu cầu nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016972 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (06.5.2020). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 12, tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Ngọc

